TOØA AÙN NHAÂN DAÂN QUẬN 7
THAØNH PHOÁ HOÀ CHÍ MINH
Số: 14/2018/QÑST-HNGÑ

COÄNG HOØA XAÕ HOÄI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM
Ñoäc laäp - Töï do - Haïnh phuùc
Quận 7, ngày 08 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm về việc "Ly hôn" thụ lý số 134/2017/HNST ngày 07 tháng 04 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ: 21I/13 đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1930

2/ Ông Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1982

3/ Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: 21I/13 đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: hai bên xác nhận có 02 con chung họ tên:

1/ Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 24/7/1982 (đã trưởng thành)

2/ Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 28/8/1991 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Lệ T xác nhận tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà 21I/13 đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 00444/2003 ngày 24/2/2003 cập nhật biến động ngày 01/8/2007, tổng diện tích sử dụng là 116.67 m^2, diện tích đất 79.17 m^2 trị giá 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Công nhận sự thỏa thuận:

Giao bà Nguyễn Thị Lệ T được toàn quyền sở hữu căn nhà số 21I/13 đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 00444/2003 ngày 24/2/2003 cập nhật biến động ngày 01/8/2007.

Bà T có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) trị giá chênh lệch chia tài sản chung, bằng cách trả làm một lần trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 08/1/2018, hạn cuối là ngày 08/4/2018. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền mà bà T phải trả cho ông T, thì hàng tháng bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngay sau khi bà T thanh toán số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) trị giá chia tài sản chung cho ông T thì ông T có trách nhiệm cùng bà

T hoàn thành các thủ tục đăng ký nhà đất theo quy định của pháp luật. Nếu ông T không phối hợp cùng bà T hoàn thành các thủ tục đăng ký thì bà T được quyền tự mình liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung, nợ riêng: hai bên đương sự xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T chịu tiền án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền án phí chia tài sản là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã đóng là 8.701.000 đồng (tám triệu bảy trăm lẻ một ngàn đồng) theo các biên lai thu số AA/2012/07617 ngày 07/04/2017 và AA/2012/07646 ngày 12/04/2017 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp Hồ Chí Minh lập, như vậy ông T còn phải nộp 15.449.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Lệ T chịu tiền án phí chia tài sản là 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng). Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T chịu các khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, ông T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 7;
- THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
Thẩm phán
Đã ký

Trần Thị Thủy